

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/DS-ST

Ngày: 18-6-2020

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi  
và vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Công Vĩnh Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hiền.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 317/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:*

Chị Võ Thị H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh T.

*- Bị đơn:*

1. Anh Huỳnh Văn M, sinh năm 1979;
2. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh T.

Chị H có đơn xin vắng mặt; anh M, chị Q vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 04/11/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị H trình bày:

Do là người cùng ấp, vợ chồng anh M, chị Q có vay của chị 02 chỉ vàng 24K vào ngày 24/7/2014, lãi suất 100.000 đồng/tháng, có làm biên nhận. Đến ngày 21/5/2015, anh M, chị Q vay thêm 10.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, có làm biên nhận. Sau khi vay, anh M, chị Q có trả được 3 tháng tiền lãi cho chị. Sau đó, anh M, chị Q năn nỉ chị cho trả vốn trước, trả lời sau, nhưng anh M, chị Q cũng không trả mà cứ hẹn hết lần này đến lần khác vẫn không trả tiền, vàng cho chị.

Ngoài ra, anh M, chị Q còn tham gia dây hụi do chị làm chủ hụi, hụi 5.000.000 đồng, gồm 13 phần, khui theo vụ lúa, 1 năm khui 3 lần, khui ngày 28/8/2015 âm lịch, anh M, chị Q tham gia 1 phần. Sau khi tham gia, anh M, chị Q đã hốt hụi lần thứ 2, chị đã giao đủ tiền hụi cho anh M, chị Q. Sau khi hốt hụi, anh M, chị Q không đóng hụi chết cho chị, còn nợ lại 11 lần hụi chết là 55.000.000 đồng, mặc dù chị đã đòi nhiều lần.

Do đó, chị khởi kiện yêu cầu anh M, chị Q trả ngay cho chị số tiền vay 10.000.000 đồng, tiền hụi 55.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K.

Anh M, chị Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh M, chị Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh M, chị Q theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét chị H yêu cầu anh M, chị Q trả số tiền vay 10.000.000 đồng, tiền hụi 55.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K, thấy rằng:

Tại Giấy có nội dung vay vàng ngày 24/7/2014, thể hiện chị Q có vay của chị H 02 chỉ vàng 24K và tại Giấy có nội dung vay tiền ngày 21/5/2015, thể hiện chị Q có vay của chị H số tiền 10.000.000 đồng, đều có chữ ký của chị Q. Việc chị Q không trả theo thỏa thuận ban đầu là có lỗi, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với bên cho vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

Về tiền hội, chị H là chủ hội đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của chủ hội là giao tiền hội đầy đủ khi anh M, chị Q hốt hội, thể hiện tại biên nhận ngày 28/8/2015 âm lịch, có nội dung anh M, chị Q còn nợ chị H 11 phần hội 5.000.000 đồng. Nhưng anh M, chị Q đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của hội viên là tiếp tục đóng các phần hội chết còn lại cho chủ hội theo thoả thuận là có lỗi, vi phạm nghĩa vụ của hội viên được quy định tại Điều 20 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ nên anh M, chị Q phải chịu trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ. Do đó, anh M, chị Q có nghĩa vụ trả ngay cho chị H tiền hội 55.000.000 đồng.

Mặt khác, anh M, chị Q không phản đối yêu cầu khởi kiện của chị H nên theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên đây là tình tiết không phải chứng minh.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị H.

[4] Về án phí: Anh M, chị Q phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Lấy giá vàng tại thời điểm xét xử là 4.250.000 đồng/01 chỉ vàng 24K.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 288, 463, 466, 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị H.
2. Buộc anh Huỳnh Văn M và chị Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ liên đới trả ngay cho chị Võ Thị H số tiền vay 10.000.000 đồng, tiền hội 55.000.000 đồng, tổng cộng 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng) và 2 (hai) chỉ vàng 24K.
3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh M, chị Q chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.
4. Về án phí: Anh Huỳnh Văn M và chị Nguyễn Thị Q phải chịu 3.675.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Võ Thị H 1.825.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số 17379 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

5. Chị H, anh M và chị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Công Vĩnh Đức**